

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2020
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Bà Trịnh Thị Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 4 tháng 5 năm 2020:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Hợp tác xã 2 Hoàng Văn T, xã C, B, Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hứa Văn T, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Bản C, K, xã X, L, Huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ở: Hợp tác xã 2 H, V, T, xã C, B, Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 03 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T bày như sau:

Chị và anh Hứa Văn T kết hôn với nhau từ năm 2010 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, B, Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 14/12/2010. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian là từ năm 2012- 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm ăn xa, anh T ở nhà không tu trí làm ăn, có biểu hiện sử dụng ma túy, vợ chồng thường xuyên xa nhau dẫn đến quá nhiều mâu thuẫn. Cuối năm 2016 anh chị đã sống ly thân anh T bỏ đi làm ăn thỉnh thoảng mới liên lạc về cho gia đình. Chị xác định anh chị đến nay

cũng không còn tình cảm gì với nhau nữa và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hứa Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hứa Trần H, sinh ngày 29/9/2011. Từ khi ly thân cháu H ở cùng chị, anh T thường xuyên đi làm xa không quan tâm được cho cháu. Nguyên vọng của chị là mong muốn được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho tới tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải trợ cấp nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị xác định anh chị không có tài sản chung gì.

Về nợ chung: Chị xác định anh chị không vay nợ ai cũng không có ai vay nợ tài sản.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/04/2020, anh Hứa Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị T kết hôn với nhau từ năm 2010 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, B, Hện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 14/12/2010. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng từ năm 2012 – 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do chị T đi làm ăn xa khiến tình cảm vợ chồng xa cách nên cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, sau đó anh T đã bỏ đi làm ăn xa từ năm 2016 cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị T có đơn xin ly hôn ra Tòa án, anh xác định không còn tình cảm với chị T nữa nên đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải về tình cảm cho hai vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hứa Trần H, sinh ngày 29/9/2011. Do đi làm ăn xa, nên anh đồng ý giao cháu H cho chị T chăm sóc và giáo dục cho tới khi trưởng **thành**.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định: Về quá trình chung sống và kết hôn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng đúng như nội dung trình bày của chị T và anh T. Khi chị T đi làm ăn xa nhà anh T ở nhà không tu trí làm ăn và thường xuyên tụ tập bạn bè, và có hành vi sử dụng ma túy, nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau đó đến cuối năm 2016 anh T đã đi làm ăn và anh chị sống ly thân từ đó đến nay, trong suốt thời gian ly thân anh chị cũng không ai quan tâm đến ai nữa. Về con chung, anh chị có 01 người con chung là cháu Hứa Trần H, sinh ngày 29/9/2011. Khi ly thân chị T người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Anh T đi làm xa cũng không có thời gian để chăm sóc cháu H thỉnh thoảng anh mới gọi điện về hỏi thăm. Theo đại diện

chính quyền địa phương để đảm bảo cuộc sống của cháu H cần giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh chị không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Hứa Văn T. Về con chung: Giao cháu Hứa Trần H, sinh ngày 29/9/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 26/03/2020, chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Hứa Văn T, nơi cư trú: Hợp tác xã 2 Hoàng Văn Thụ, xã C, B, Hện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân Hện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 61/TLST-HNGĐ ngày 26/03/2020 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự

nhưng anh T có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc có lý do. Chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Hứa Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010, anh chị đã được UBND xã C, B, Hện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/12/2010. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng cũng xa cách anh T ở nhà không tu trí làm ăn thường xuyên tụ tập bạn bè và có biểu hiện sử dụng ma túy, khiến vợ chồng thường xuyên cãi và nhau. Mâu thuẫn kéo dài. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương đã xác định: Giữa anh chị có mâu thuẫn là do chị T đi làm ăn xa anh T ở nhà không tu trí làm ăn thường tụ tập bạn bè, khi chị T kHên bảo thì vợ chồng lại xảy ra cãi vã. Sau đó cuối năm 2016 anh T cũng đi làm vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại đơn xin vắng mặt của của anh Hứa Văn T, anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01con chung là cháu Hứa Trần H, sinh ngày 29/9/2011. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Thực tế chị T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu trong suốt thời gian anh chị sống ly thân và anh Hứa Văn T cũng đồng ý để chị T là người nuôi dưỡng cháu H cho tới khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Tại văn bản ghi ý kiến, cháu H cũng có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Hứa Trần H cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do chị T không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Hứa Văn T.

2. Về con chung: Chị T, anh T có 01 con chung là cháu Hứa Trần H, sinh ngày 29/9/2011. Giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị T do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T đều thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004188 ngày 26 tháng 03 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân Hện Mai Sơn;
- Chi cục THADS Hện Mai Sơn;
- UBND xã C, B Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga